

THÔNG BÁO

**Tuyển sinh bổ sung đại học chính quy năm 2026
(Dành cho các chương trình đào tạo
tại Trường Quốc tế và Trường Quản trị và Kinh doanh)**

- Căn cứ Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BGDĐT ngày 15/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Căn cứ Quy chế tuyển sinh đại học tại Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN) ban hành kèm theo Quyết định số 955/QĐ-ĐHQGHN ngày 20/03/2026, được sửa đổi bổ sung tại Quyết định số 4425/QĐ-ĐHQGHN ngày 22/8/2026 của Giám đốc ĐHQGHN;

- Căn cứ Quyết định số 2253/QĐ-ĐHQGHN ngày 29/05/2026 của Giám đốc ĐHQGHN về việc giao số lượng tuyển sinh đại học chính quy năm 2026;

- Căn cứ Thông báo Kết luận số 959-KL/ĐU của Ban Thường vụ Đảng ủy ĐHQGHN ngày 22/08/2026 về chủ trương tuyển sinh bổ sung đại học chính quy năm 2026 và điều chỉnh tổ chức hoạt động của các trường thuộc ĐHQGHN;

- Xét đề xuất, phương án tuyển sinh bổ sung đại học chính quy năm 2026 của Trường Quốc tế (VNU-IS) và Trường Quản trị và Kinh doanh (HSB).

ĐHQGHN thông báo xét tuyển bổ sung đại học chính quy năm 2026 đối với các chương trình đào tạo tại Trường Quốc tế và Trường Quản trị và Kinh doanh như sau:

I. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH

1. Đối tượng và điều kiện chung

- Người đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương; người đã có bằng tốt nghiệp trung cấp ngành nghề thuộc cùng nhóm ngành dự tuyển và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật.

- Có kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026 hoặc kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực học sinh THPT (HSA) do ĐHQGHN tổ chức còn thời hạn (2 năm kể từ ngày thi đến ngày nộp hồ sơ ĐKXT), đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào và điểm nhận hồ sơ xét tuyển theo quy định (không phân biệt Q).

- Thí sinh chưa trúng tuyển hoặc đã trúng tuyển nhưng chưa xác nhận nhập học vào bất kỳ cơ sở đào tạo nào trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ GD&ĐT (trường hợp đã xác nhận nhập học phải được cơ sở đào tạo cho phép rút hồ sơ theo quy định).

- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành và nộp đầy đủ hồ sơ, lệ phí xét tuyển đúng thời hạn.

2. Đối tượng và điều kiện riêng cho từng trường

- *Tại Trường Quốc tế (VNU-IS):* Thí sinh dự tuyển phải đáp ứng các điều kiện phụ về năng lực môn Ngoại ngữ (Tiếng Anh) và điểm thi môn Toán đối với một số ngành đào tạo đặc thù theo quy định của Trường, *chi tiết tại mục 2a.III Thông báo này.*

- *Tại Trường Quản trị và Kinh doanh (HSB):* Thí sinh dự tuyển phải đáp ứng điều kiện phụ về trình độ Tiếng Anh (điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2026 môn Tiếng Anh đạt từ 5,0/10 điểm trở lên hoặc có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS đạt từ 4.5 trở lên/tương đương còn hạn 02 năm tính đến ngày nộp hồ sơ).

II. THÔNG TIN VỀ NGÀNH/CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO, CHỈ TIÊU VÀ NGƯỠNG ĐIỂM NHẬN HỒ SƠ

1. Quy định về ngưỡng điểm nhận hồ sơ xét tuyển:

- Đối với 04 ngành/chương trình đào tạo thuộc nhóm ngành **Công nghệ - Kỹ thuật - STEM** của Trường Quốc tế (*Tin học và Kỹ thuật máy tính, Phân tích dữ liệu kinh doanh, Tự động hóa và Tin học, Công nghệ thông tin ứng dụng*): Ngưỡng nhận hồ sơ xét tuyển là **22,0 điểm** (theo thang 30).

- Đối với tất cả các ngành/chương trình đào tạo còn lại thuộc lĩnh vực **Kinh doanh - Quản lý** của Trường Quốc tế và Trường Quản trị và Kinh doanh: Ngưỡng nhận hồ sơ xét tuyển là **21,0 điểm** (theo thang 30).

* *Mức điểm nhận hồ sơ tính theo thang điểm 30 đã bao gồm điểm ưu tiên đối tượng, khu vực (nếu có); không bao gồm điểm cộng, điểm thưởng, điểm khuyến khích.*

STT	Ngành / Chương trình đào tạo	Mã xét tuyển	Tổ hợp xét tuyển	Chỉ tiêu	Điểm thi TN THPT (thang 30)	Điểm HSA (thang 150)	Đơn vị đào tạo/Ghi chú
1	Kế toán, Phân tích và Kiểm toán	QHQ02	A00, A01, D01, D07, C01, C02	70	21,0	73	<i>Trường Quốc tế (ĐHQGHN cấp bằng)</i>
2	Hệ thống thông tin quản lý	QHQ03	A00, A01, D01, C01, C02, X26	40	21,0	73	<i>Trường Quốc tế (ĐHQGHN cấp bằng)</i>
3	Tin học và Kỹ thuật máy tính	QHQ04	A00, A01, D01, D07, C01, X02, X26	65	21,0	73	<i>Trường Quốc tế (ĐHQGHN cấp bằng)</i>
4	Phân tích dữ liệu kinh doanh	QHQ05	A00, A01, D01, C01, C02, X26	40	21,0	73	<i>Trường Quốc tế (ĐHQGHN cấp bằng)</i>

STT	Ngành / Chương trình đào tạo	Mã xét tuyển	Tổ hợp xét tuyển	Chỉ tiêu	Điểm thi TN THPT (thang 30)	Điểm HSA (thang 150)	Đơn vị đào tạo/Ghi chú
5	Marketing (song bằng)	QHQ06	A00, A01, D01, D09, C01, C02	50	21,0	73	Trường Quốc tế (ĐHQGHN & trường ĐH HELP - Malaysia cấp bằng)
6	Quản lý (song bằng)	QHQ07	A00, A01, D01, D09, C01, C02	35	21,0	73	Trường Quốc tế (ĐHQGHN & trường ĐH Keuka – Hoa Kỳ cấp bằng)
7	Tự động hóa và Tin học (Kỹ sư)	QHQ08	A00, A01, D01, D07, C01, X02, X26	50	21,0	73	Trường Quốc tế (ĐHQGHN cấp bằng)
8	Công nghệ thông tin ứng dụng	QHQ10	A00, A01, D01, D07, C01, X02, X26	70	21,0	73	Trường Quốc tế (ĐHQGHN cấp bằng)
9	Khoa học quản lý (CTĐT: <i>Quản trị An ninh phi truyền thống</i>)	BNS	A01, D01, D07, D08, D09, D10, X25, X26, X27, X28	82	21,0	73	Trường Quản trị và Kinh doanh (ĐHQGHN cấp bằng)
10	Khoa học quản lý (CTĐT: <i>Quản trị và An ninh</i>)	MAS	A01, D01, D07, D08, D09, D10, X25, X26, X27, X28	89	21,0	73	Trường Quản trị và Kinh doanh (ĐHQGHN cấp bằng)
11	Khoa học quản lý (CTĐT: <i>Quản trị doanh nghiệp và công nghệ</i>)	MET	A01, D01, D07, D08, D09, D10, X25, X26, X27, X28	10	21,0	73	Trường Quản trị và Kinh doanh (ĐHQGHN cấp bằng)
12	Quản trị kinh doanh (CTĐT: <i>Quản trị DVKH và CSSK</i>)	HAS	A01, D01, D07, D08, D09, D10, X25, X26,	63	21,0	73	Trường Quản trị và Kinh doanh (ĐHQGHN cấp bằng)

STT	Ngành / Chương trình đào tạo	Mã xét tuyển	Tổ hợp xét tuyển	Chỉ tiêu	Điểm thi TN THPT (thang 30)	Điểm HSA (thang 150)	Đơn vị đào tạo/Ghi chú
			X27, X28				
13	Quản trị kinh doanh (CTĐT: Marketing và Truyền thông)	MAC	A01, D01, D07, D08, D09, D10, X25, X26, X27, X28	4	21,0	73	Trường Quản trị và Kinh doanh (ĐHQGHN cấp bằng)
14	Quản trị kinh doanh (CTĐT: Quản trị nhân lực và nhân tài)	HAT	A01, D01, D07, D08, D09, D10, X25, X26, X27, X28	12	21,0	73	Trường Quản trị và Kinh doanh (ĐHQGHN cấp bằng)
TỔNG CHỈ TIÊU BỔ SUNG				680	(Trường Quốc tế: 420 chỉ tiêu; Trường Quản trị và Kinh doanh: 260 chỉ tiêu)		

2. Danh mục Tổ hợp xét tuyển

Mã tổ hợp	Các môn thi	Mã tổ hợp	Các môn thi
A00	Toán, Vật lý, Hóa học	D08	Toán, Sinh học, Tiếng Anh
A01	Toán, Vật lý, Tiếng Anh	D09	Toán, Lịch sử, Tiếng Anh
C01	Toán, Ngữ văn, Vật lý	D10	Toán, Địa lý, Tiếng Anh
C02	Toán, Ngữ văn, Hóa học	X02	Toán, Ngữ văn, Tin học
D01	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	X25	Toán, Tiếng Anh; GDKTPL
D07	Toán, Hóa học, Tiếng Anh	X26	Toán, Tiếng Anh, Tin học
X27	Toán, Công nghệ công nghiệp, Tiếng Anh	X28	Toán, Công nghệ nông nghiệp, Tiếng Anh

III. PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN VÀ ĐIỀU KIỆN NHẬN HỒ SƠ

1. Phương thức xét tuyển

- **Phương thức 1:** Xét tuyển theo kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026.
- **Phương thức 2:** Xét tuyển theo kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực học sinh THPT do ĐHQGHN tổ chức (HSA).

2. Điều kiện nhận hồ sơ và điều kiện phụ

a) Trường Quốc tế (VNU-IS):

- *Điều kiện phụ môn Tiếng Anh:* Thí sinh đáp ứng một (01) trong các tiêu chí:
 - + Điểm thi tốt nghiệp THPT môn Tiếng Anh: Đạt từ 6,0/10 điểm trở lên đối với các ngành mã QHQ02, QHQ03, QHQ05, QHQ06, QHQ07; đạt từ 5,0/10 điểm trở lên đối với các ngành mã QHQ04, QHQ08, QHQ10.
 - + Điểm trung bình chung học tập môn Tiếng Anh cả năm các lớp 10, 11, 12 đạt tối thiểu 7,0 điểm.
 - + Kết quả thi môn Tiếng Anh trong kỳ thi HSA (tổ hợp Q21) đạt tối thiểu 30/50 điểm trở lên.
 - + Có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế đạt điều kiện miễn thi tốt nghiệp THPT theo quy định (IELTS từ 5.5 trở lên được quy đổi theo Bảng quy đổi tại Phụ lục).
- *Điều kiện phụ môn Toán:* Thí sinh dùng tổ hợp D01 xét tuyển vào các ngành QHQ04, QHQ08, QHQ10 phải có điểm thi tốt nghiệp môn Toán đạt từ 6,0 điểm trở lên.

b) Trường Quản trị và Kinh doanh (HSB):

- *Điều kiện phụ tiếng Anh:* Điểm thi tốt nghiệp THPT môn Tiếng Anh đạt từ 5,0/10 điểm trở lên HOẶC có chứng chỉ IELTS đạt từ 4.5 trở lên (hoặc tương đương) còn hạn 02 năm tính đến ngày nộp hồ sơ.

IV. NGUYÊN TẮC XÉT TUYỂN

- **Số nguyện vọng đăng ký:** Thí sinh được đăng ký tối đa 02 nguyện vọng bổ sung tại mỗi đơn vị và sắp xếp nguyện vọng theo thứ tự ưu tiên (nguyện vọng 1 là nguyện vọng ưu tiên cao nhất).
- **Nguyên tắc xét trúng tuyển:** Xét tuyển theo nguyên tắc từ điểm cao xuống thấp cho đến hết chỉ tiêu công bố của từng ngành/chương trình đào tạo.
- **Cách tính điểm xét tuyển:** Điểm xét tuyển là tổng điểm các môn thi theo thang điểm 30 cộng với điểm ưu tiên đối tượng, khu vực và điểm cộng (nếu có). Điểm chứng chỉ tiếng Anh quốc tế được quy đổi sang thang điểm 10 để thay thế điểm thi môn Tiếng Anh trong tổ hợp xét tuyển theo Bảng quy đổi tại Phụ lục.

V. MỨC HỌC PHÍ (DỰ KIẾN)

1. Trường Quốc tế (VNU-IS)

- Chương trình Kế toán, Phân tích và Kiểm toán: 202.400.000 VNĐ/toàn khóa (4 năm).
- Chương trình Hệ thống thông tin quản lý; Tin học và Kỹ thuật máy tính: 192.000.000 VNĐ/toàn khóa (4 năm).
- Chương trình Phân tích dữ liệu kinh doanh: 184.000.000 VNĐ/toàn khóa (4 năm).
- Chương trình Công nghệ thông tin ứng dụng: 218.593.000 VNĐ/toàn khóa (4 năm).
- Chương trình Tự động hóa và Tin học: 247.996.000 VNĐ/toàn khóa (4,5 năm).
- Chương trình Marketing (đồng cấp bằng với ĐH HELP, Malaysia): 322.000.000 VNĐ/toàn khóa (đã bao gồm học phí 01 học kỳ tại Malaysia).
- Chương trình Quản lý (đồng cấp bằng với ĐH Keuka, Hoa Kỳ): 450.800.000 VNĐ/toàn khóa (đã bao gồm học phí 01 học kỳ tại Hoa Kỳ).
- *Học phí chương trình Tiếng Anh dự bị (mức thu dự kiến): 11.165.000 VNĐ/cấp độ (áp dụng đối với sinh viên chưa đạt chuẩn đầu vào tiếng Anh).*
- Sinh viên đóng học phí đóng theo kỳ, 02 học kỳ/năm theo thông báo của Nhà trường.

2. Trường Quản trị và Kinh doanh (HSB)

- Chương trình Quản trị An ninh phi truyền thống (BNS); Quản trị Dịch vụ Khách hàng & Chăm sóc sức khỏe (HAS): 44.000.000 VNĐ / năm học.
- Chương trình Marketing và Truyền thông (MAC); Quản trị Nhân lực & Nhân tài (HAT): 70.000.000 VNĐ / năm học.
- Chương trình Quản trị Doanh nghiệp & Công nghệ (MET); Quản trị & An ninh (MAS): 78.000.000 VNĐ / năm học.
- *Thời gian đào tạo: 04 năm. Học phí nộp 02 học kỳ/năm theo thông báo của Nhà trường.*

VI. NGÔN NGỮ ĐÀO TẠO VÀ ĐỊA ĐIỂM ĐÀO TẠO

STT	Chương trình đào tạo	Ngôn ngữ đào tạo	Địa điểm đào tạo
1	Kế toán, Phân tích và Kiểm toán	Tiếng Anh	Số 1 Phan Tây Nhạc
2	Hệ thống thông tin quản lý	Tiếng Anh	Số 1 Phan Tây Nhạc
3	Tin học và Kỹ thuật máy tính	Tiếng Anh	Tòa HT1, ĐHQGHN cơ sở Hòa Lạc
4	Phân tích dữ liệu kinh doanh	Tiếng Anh	Số 1 Phan Tây Nhạc

STT	Chương trình đào tạo	Ngôn ngữ đào tạo	Địa điểm đào tạo
5	Marketing (đồng cấp bằng)	Tiếng Anh	Số 1 Phan Tây Nhạc
6	Quản lý (đồng cấp bằng)	Tiếng Anh	Số 1 Phan Tây Nhạc
7	Tự động hóa và Tin học	Tiếng Anh và Tiếng Việt	Tòa HT1, ĐHQGHN cơ sở Hòa Lạc
8	Công nghệ thông tin ứng dụng	Tiếng Anh và Tiếng Việt	Tòa HT1, ĐHQGHN cơ sở Hòa Lạc
9	Các Ngành/CTĐT của Trường Quản trị và Kinh doanh	Tiếng Anh và Tiếng Việt	Nhà B1, số 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, HN

VII. KẾ HOẠCH XÉT TUYỂN, NHẬP HỌC VÀ HÌNH THỨC NHẬN HỒ SƠ

1. Kế hoạch thời gian xét tuyển bổ sung

- **Thời gian nhận hồ sơ xét tuyển bổ sung:** Từ ngày **24/8/2026** đến hết ngày **11/9/2026**.

- **Dự kiến thông báo kết quả trúng tuyển:** Trước **17h00** ngày **15/9/2026** (thí sinh tra cứu kết quả trên website tuyển sinh của đơn vị).

- **Thời gian gửi Giấy báo trúng tuyển và Nhập học:** Trước ngày **20/9/2026**.

2. Hình thức và địa điểm nhận hồ sơ

- **Hình thức trực tuyến (online):**

+ Trường Quốc tế: Đăng ký tại link:

<https://xettuyenbosung.vnuis.edu.vn>

+ Trường Quản trị và Kinh doanh: Đăng ký tại link:

<https://zfrmz.com/QIgZWj5MjB3DP5U71POe>

- **Hình thức trực tiếp:**

+ Nộp hồ sơ trực tiếp tại: **Tầng 1, Tòa nhà Đổi mới sáng tạo của ĐHQGHN, số 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội.**

+ Hotline hỗ trợ VNU-IS: 0866 753 338 | 0866 053 336 | 0379 884 488 (Email: tuyensinh@vnuis.edu.vn).

+ Hotline hỗ trợ HSB: 0868 22 66 56 | 0243 754 8456 (Email: tuyensinhdaihoc@hsb.edu.vn).

VIII. HỒ SƠ CẦN NỘP VÀ LỆ PHÍ XÉT TUYỂN

1. Danh mục hồ sơ cần nộp

Thí sinh nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký xét tuyển bổ sung gồm có:

- Giấy chứng nhận kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026: 01 bản chính;
- Giấy chứng nhận kết quả thi Đánh giá năng lực học sinh THPT (HSA) do ĐHQGHN cấp (đối với thí sinh xét tuyển theo phương thức HSA): 01 bản chính hoặc bản sao công chứng;

3. Học bạ THPT: 01 bản sao công chứng;
4. Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế (IELTS, TOEFL...) nếu có đề quy đổi điểm hoặc xét điều kiện phụ: 01 bản sao công chứng;
5. Minh chứng đối tượng ưu tiên, khu vực ưu tiên và minh chứng hưởng điểm cộng/khuyến khích (nếu có): 01 bản sao công chứng hoặc bản photo theo hướng dẫn;
6. Phiếu đăng ký xét tuyển bổ sung (theo mẫu của đơn vị đào tạo đăng tại website của VNU-IS và HSB).

2. Lệ phí xét tuyển (theo quy định của Bộ GD&ĐT và của nhà nước)

- Mức thu: **15.000 đồng/nguyên vọng** (thí sinh nộp cùng hồ sơ (trực tiếp) hoặc nộp theo hướng dẫn trực tuyến của Trường Quốc tế, Trường Quản trị và Kinh doanh).

IX. CÁC THÔNG TIN KHÁC

1. Địa chỉ trụ sở chính của Trường Quản trị và Kinh doanh, ĐHQGHN

- Tel: 0243.7548456 / Website: <http://hsb.edu.vn/>
- Địa chỉ: Tầng 2, nhà B1, số 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội
- Hotline: 0868226656
- Email: tuyensinhdaihoc@hsb.edu.vn
- Facebook: <https://www.facebook.com/HSBUndergraduatePrograms>; và <https://www.facebook.com/TruongQuanTrivaKinhDoanhHSB/>

2. Địa chỉ các trụ sở của Trường Quốc tế, ĐHQGHN

- Cơ sở Xuân Thủy: Nhà E5 & G7, số 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội;
- Cơ sở Phan Tây Nhạc: Số 1, Phố Phan Tây Nhạc, Xuân Phương, Hà Nội;
- Cơ sở Hoà Lạc: Toà nhà HT1, Khu đô thị ĐHQGHN tại Hoà Lạc, Hà Nội.
- **Địa chỉ trang thông tin điện tử:** <http://www.is.vnu.edu.vn>
- **Số điện thoại liên hệ:** 0983372988, 0379884488, 0989106633, 0866053336, 0866753338.

3. Địa chỉ công khai quy chế tuyển sinh của ĐHQGHN: <https://vnu.edu.vn/ban-hanh-quy-che-tuyen-sinh-dai-hoc-tai-dai-hoc-quoc-gia-ha-noi-doc2759.html>.

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (để b/c);
- Giám đốc ĐHQGHN (để b/c);
- Ban TC&TT, TC&ĐT (để p/h);
- Văn phòng ĐHQGHN (để p/h);
- Trường Quốc tế, Trường QT&KD (để t/h);
- BP truyền thông VNU (để đăng website);
- Thí sinh & xã hội;
- Lưu: VT, BĐT&CTSV (06b).

**TL. GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG BAN ĐÀO TẠO
VÀ CÔNG TÁC SINH VIÊN**

(Đã ký)

Nguyễn Anh Tuấn

PHỤ LỤC
BẢNG QUY ĐỔI ĐIỂM CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ QUỐC TẾ
SANG THANG ĐIỂM 10

*(kèm theo Thông báo số 4426/TB-ĐHQGHN ngày 22 tháng 8 năm 2026
của Giám đốc ĐHQGHN)*

STT	IELTS Academic	TOEFL iBT	Mức điểm quy đổi sang thang điểm 10
1	5.5	72 - 78	8,0
2	6.0	79 - 87	8,5
3	6.5	88 - 95	9,0
4	7.0	96 - 101	9,5
5	7.5 - 9.0	102 - 120	10,0

** Ghi chú: Đối với các chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế khác (Cambridge English, Aptis ESOL, TOEIC 4 kỹ năng...), việc quy đổi được thực hiện theo Quy chế tuyển sinh đại học tại ĐHQGHN và Thông tin tuyển sinh trình độ đại học năm 2026 của các trường trực thuộc. Thời hạn giá trị của chứng chỉ tính đến ngày nộp hồ sơ là 02 năm kể từ ngày thi.*

Lưu ý: ĐHQGHN không chấp nhận các chứng chỉ thi online./.